

## CHƯƠNG 8

### THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

#### Điều 8.1: Các định nghĩa

Theo mục tiêu của Chương này:

- (a) **dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng máy bay** là các hoạt động được thực hiện trên máy bay hoặc một bộ phận của nó trong khi máy bay đó ngừng cung cấp dịch vụ và không bao gồm bảo dưỡng ngoại trường;
- (b) **hiện diện thương mại** là bất kỳ loại hình tổ chức kinh doanh hay tổ chức nghề nghiệp nào, bao gồm các hoạt động
  - (i) thành lập, mua lại hay duy trì một pháp nhân; hoặc
  - (ii) thành lập hay duy trì một chi nhánh hoặc văn phòng đại diện, trên phạm vi Khu vực của một Bên nhằm mục đích cung cấp dịch vụ;
- (c) **dịch vụ hệ thống đặt, giữ chỗ bằng máy tính** là dịch vụ được cung cấp bởi các hệ thống máy tính có chứa thông tin về lịch bay, ghế trống, giá và các quy định về giá của các hãng hàng không, và thông qua hệ thống này, mọi người có thể đặt giữ chỗ hoặc xuất vé;
- (d) **pháp nhân** là bất kỳ thực thể pháp lý nào được thành lập hoặc tổ chức theo pháp luật phù hợp, dù có lợi nhuận hay không, và dù thuộc sở hữu tị nhân hay sở hữu nhà nước, bao gồm các công ty, quỹ ủy thác, đối tác, liên doanh, doanh nghiệp một chủ sở hữu hoặc hiệp hội;
- (e) **pháp nhân của một Bên khác** là pháp nhân:
  - (i) được thành lập hay tổ chức theo luật pháp của Bên khác đó, và tham gia vào hoạt động kinh doanh đáng kể trên Khu vực của Bên đó hoặc bất kỳ Bên nào khác; hoặc
  - (ii) trong trường hợp việc cung cấp dịch vụ được thực hiện thông qua hiện diện thương mại, được sở hữu hoặc kiểm soát bởi những người sau đây:

- (A) thể nhân của Bên đó; hoặc
  - (B) pháp nhân của Bên khác được xác định theo quy định tại điểm (e)(i);
- (f) Dành cho Thái Lan và Việt Nam, pháp nhân là:
- (i) **sở hữu** bởi những người của một Bên, nếu trên 50% lợi ích cổ phần của pháp nhân đó thuộc sở hữu của những người của Bên đó;
  - (ii) **kiểm soát** bởi những người của một Bên nếu những người đó có quyền chỉ định đa số thành viên của ban giám đốc hoặc nếu không phải điều hành hoạt động của pháp nhân đó một cách hợp pháp;
  - (iii) **liên kết** với người khác khi pháp nhân đó điều hành, hoặc chịu sự điều hành bởi người khác đó; hoặc khi pháp nhân đó và người khác cùng chịu sự kiểm soát của một người;
- (g) **biện pháp của các Bên tác động đến thương mại dịch vụ** là các biện pháp được áp dụng bởi:
- (i) việc mua, thanh toán hay sử dụng một dịch vụ;
  - (ii) sự tiếp cận hay sử dụng các dịch vụ gắn liền với việc cung cấp dịch vụ, các dịch vụ được các Bên đó yêu cầu phải đưa ra phục vụ công chúng một cách phổ biến; và
  - (iii) sự hiện diện, bao gồm cả hiện diện thương mại, của những người thuộc một Bên để cung cấp dịch vụ trên Khu vực của một Bên khác;
- (h) **người cung cấp dịch vụ độc quyền** là bất kỳ người nào, dù là thuộc khu vực công hay tư nhân, được một Bên cho phép, hay được thành lập một cách chính thức hay trên thực tế là người cung cấp duy nhất dịch vụ đó, trong phạm vi thị trường tương ứng của Khu vực của một Bên này;
- (i) **thể nhân của một Bên** là thể nhân cư trú trên lãnh thổ của Bên đó hoặc nơi khác và tuân thủ luật của Bên đó:
- (i) là công dân của Bên đó; hoặc

- (ii) có quyền thường trú<sup>1</sup> tại Bên đó, trong trường hợp một Bên dành sự đối xử với người thường trú tương tự như đối với công dân của mình về các biện pháp về thương mại dịch vụ, với điều kiện không Bên nào có nghĩa vụ phải dành cho người thường trú đối xử thuận lợi hơn mức Bên đó dành cho công dân của mình;
  
- (j) **"ngành"** dịch vụ là:
  - (i) có liên quan đến một cam kết cụ thể, một hoặc nhiều hoặc tất cả hoặc phân ngành của ngành dịch vụ đó, như được quy định trong Bảng cam kết của một Bên tại Phụ lục II (Biểu cam kết cụ thể về dịch vụ) hoặc Biểu tại Phụ lục III (Biểu bảo lưu và các biện pháp không tương thích đối với Dịch vụ và Đầu tư); và
  - (ii) ngoài ra, còn là toàn bộ các ngành dịch vụ đó, kể cả tất cả các phân ngành;
  
- (k) **bán và tiếp thị thị trường vận tải hàng không** là cơ hội để hãng hàng không có liên quan bán và tiếp thị tự do các dịch vụ vận tải hàng không của mình bao gồm tất cả các nội dung tiếp thị như nghiên cứu thị trường, quảng cáo và phân phối. Các hoạt động này không bao gồm việc định giá dịch vụ vận tải hàng không cũng như các điều kiện áp dụng;
  
- (l) **dịch vụ** bao gồm bất cứ dịch vụ nào trong bất cứ ngành nào trừ các dịch vụ do các cơ quan chính phủ cung cấp;
  
- (m) **người tiêu dùng dịch vụ** là bất kỳ người nào nhận hoặc sử dụng một dịch vụ;
  
- (n) **dịch vụ của một Bên khác** là dịch vụ được cung cấp:
  - (i) từ hoặc trên Khu vực của Bên khác, hoặc trong trường hợp dịch vụ vận tải biển, do một con tàu được đăng ký theo luật pháp của Bên khác đó, hoặc do một người thuộc Bên khác

---

<sup>1</sup> Khi một Bên đã bảo lưu đối với người thường trú trong các Biểu cam kết của mình trong Phụ lục II (Biểu cam kết cụ thể về dịch vụ), Phụ lục III (Biểu bảo lưu và các biện pháp không tương thích đối với dịch vụ và đầu tư) hoặc Phụ lục IV (Biểu cam kết cụ thể về di chuyển thể nhân tạm thời), việc bảo lưu đó sẽ không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của Bên đó trong GATS.

cung cấp dịch vụ thông qua hoạt động của một con tàu và/hoặc sử dụng toàn bộ hay một phần con tàu đó; hoặc

- (ii) của một người cung cấp dịch vụ thuộc Bên khác, trong trường hợp việc cung cấp dịch vụ đó thông qua sự hiện diện thương mại hoặc sự hiện diện thể nhân;
- (o) **dịch vụ được cung cấp để thi hành thẩm quyền của chính phủ** là bất kỳ dịch vụ nào được cung cấp không trên cơ sở thương mại và cũng không trên cơ sở cạnh tranh với một hoặc nhiều nhà cung cấp dịch vụ khác;
- (p) **người cung cấp dịch vụ** là bất kỳ người nào cung cấp một dịch vụ;<sup>2,3</sup>
- (q) **cung cấp dịch vụ** bao gồm việc sản xuất, phân phối, giới thiệu, bán và giao dịch vụ;
- (r) **thương mại dịch vụ** được định nghĩa là sự cung cấp dịch vụ:
  - (i) từ Khu vực của một Bên sang Khu vực của bất kỳ một Bên nào khác;
  - (ii) trong Khu vực của một Bên tới người tiêu dùng dịch vụ của bất kỳ một Bên nào khác;
  - (iii) do một nhà cung cấp dịch vụ của một Bên thực hiện, thông qua sự hiện diện thương mại trên Khu vực của bất kỳ một Bên nào khác;
  - (iv) do một nhà cung cấp dịch vụ của một Bên thực hiện, thông qua sự hiện diện thể nhân trên Khu vực của bất kỳ một Bên nào khác; và
- (s) **thương quyền hàng không** là quyền đối với các dịch vụ theo lịch trình và không theo lịch trình để vận hành hoặc vận chuyển hành khách, hàng hoá và thư tư để trả công hoặc thuê từ, đến, trong hoặc trên lãnh thổ của một Bên, bao gồm các điểm được phục vụ, các

---

<sup>2</sup> Khi dịch vụ không được cung cấp trực tiếp bởi một pháp nhân mà thông qua các hình thức hiện diện thương mại khác như chi nhánh hoặc văn phòng đại diện, thì nhà cung cấp dịch vụ (tức là pháp nhân) sẽ thông qua hiện diện thương mại đó sẽ được đối xử như các nhà cung cấp dịch vụ theo Hiệp định này. Việc đối xử này sẽ được mở rộng cho sự hiện diện thương mại mà thông qua đó dịch vụ được cung cấp và không cần mở rộng cho bất kỳ bộ phận nào khác của nhà cung cấp nằm ngoài lãnh thổ nơi dịch vụ được cung cấp.

<sup>3</sup> Các Bên xác nhận sự hiểu biết chung rằng “nhà cung cấp dịch vụ” trong Chương này có cùng ý nghĩa với nội dung tại điểm (g) của Điều XXVIII của GATS.

tuyến đường được vận hành, loại phương tiện giao thông được thực hiện, khả năng cung cấp, thuế, và các điều kiện của họ, và tiêu chí để định danh các hãng hàng không, bao gồm các tiêu chí như số lượng, quyền sở hữu và kiểm soát.

## **Điều 8.2: Phạm vi**

1. Chương này áp dụng đối với các biện pháp của các Bên có ảnh hưởng đến thương mại dịch vụ.
2. Vì những mục tiêu của Chương này, các biện pháp của một Bên nghĩa là các biện pháp được thực thi bởi:
  - (a) Chính phủ hoặc cơ quan trung ương, khu vực hoặc địa phương; và
  - (b) Các cơ quan phi chính phủ để thực thi quyền lực do Chính phủ hoặc cơ quan trung ương, khu vực hoặc địa phương giao cho.

Để thực thi các nghĩa vụ và cam kết của Chương này, mỗi Bên sẽ thực thi các biện pháp hợp lý và có thể có sẵn để đảm bảo sự tuân thủ của Chính phủ và các cơ quan khu vực và địa phương và các cơ quan phi chính phủ trong Khu vực của mình.

3. Chương này sẽ không áp dụng đối với:
  - (a) việc mua sắm chính phủ;
  - (b) trợ cấp và các khoản tiền bao gồm các khoản vay do Chính phủ hỗ trợ, các khoản đảm bảo và bảo hiểm, do một Bên cung cấp hoặc theo các điều kiện gắn liền với việc nhận các khoản trợ cấp và khoản tiền này, bất kể việc các khoản trợ cấp và khoản tiền này được cấp riêng cho các nhà cung cấp dịch vụ, người tiêu dùng dịch vụ và dịch vụ trong nước hay không;
  - (c) dịch vụ được cung cấp trong thi hành thẩm quyền của chính phủ trên Khu vực của các Bên;
  - (d) kinh doanh dọc bờ biển (cabotage) trong dịch vụ vận tải đường biển; và

- (e) trong lĩnh vực dịch vụ vận tải hàng không, thương quyền được cấp; hoặc dịch vụ liên quan trực tiếp tới việc thực thi thương quyền, trừ các biện pháp ảnh hưởng tới:<sup>4</sup>
  - (i) dịch vụ bảo trì và sửa chữa máy bay;
  - (ii) việc bán và tiếp thị dịch vụ vận tải hàng không;
  - (iii) dịch vụ hệ thống giữ chỗ bằng máy tính;
  - (iv) dịch vụ bay đặc biệt;
  - (v) dịch vụ vận hành sân bay; và
  - (vi) dịch vụ khai thác mặt đất.
- 4. Chương này không được áp dụng cho các biện pháp tác động đến thể nhân đang tìm cách tiếp cận thị trường lao động của một Bên khác, và cũng không áp dụng cho các biện pháp liên quan đến quyền công dân, quyền cư trú hoặc việc làm trên cơ sở thường trú.
- 5. Để rõ ràng hơn, Phụ lục 8A (Dịch vụ Tài chính), Phụ lục 8B (Dịch vụ Viễn thông), và Phụ lục 8C (Dịch vụ Chuyên nghiệp) là một phần không thể thiếu tại Chương này

### **Điều 8.3: Biểu Cam kết**

1. Mỗi Bên sẽ thực hiện các cam kết theo Điều 8.4 (Đối xử quốc gia) và Điều 8.5 (Tiếp cận thị trường) cùng với Điều 8.7 (Biểu cam kết cụ thể) hoặc Điều 8.8 (Biểu các biện pháp không tương thích).
2. Một Bên thực hiện cam kết theo Điều 8.7 (Biểu cam kết cụ thể) sẽ thực hiện cam kết theo các khoản áp dụng trong Điều 8.4 (Đối xử quốc gia) và Điều 8.5 (Tiếp cận thị trường), đồng thời cũng phải cam kết theo Điều 8.6 (Đối xử tối huệ quốc) hoặc Điều 8.10 (Danh sách minh bạch). Một Bên thực hiện cam kết theo Điều 8.7 (Biểu cam kết cụ thể) cũng có thể thực hiện cam kết theo Điều 8.9 (Cam kết bổ sung).
3. Một Bên thực hiện cam kết theo Điều 8.8 (Biểu các biện pháp không tương thích) sẽ thực hiện cam kết theo các khoản áp dụng tại Điều 8.4 (Đối xử quốc gia), Điều 8.5 (Tiếp cận thị trường), Điều 8.6 (Đối xử tối huệ quốc),

---

<sup>4</sup> Mặc dù các đoạn từ (iv) đến (vi), Chương này sẽ chỉ áp dụng cho các biện pháp ảnh hưởng đến dịch vụ hàng không chuyên dụng, dịch vụ xử lý mặt đất và dịch vụ điều hành sân bay đối với một Bên lựa chọn thực hiện cam kết liên quan đến các dịch vụ đó theo Điều 8.3 (Biểu cam kết).

Điều 8.11 (Hiện diện tại nước sở tại). Một Bên đưa ra cam kết theo Điều 8.8 (Biểu các biện pháp không tương thích) cũng có thể thực hiện cam kết theo Điều 8.9 (Cam kết bổ sung).

4. Mặc dù có đoạn 2, các Bên kém phát triển là nước thành viên của ASEAN thực hiện cam kết theo Điều 8.7 (Biểu cam kết cụ thể) không có nghĩa vụ thực hiện cam kết theo điều 8.6 (Đối xử tối huệ quốc) hoặc Điều 8.10 (Danh sách minh bạch). Tuy nhiên, các Bên này có thể làm như vậy trên cơ sở tự nguyện.

#### **Điều 8.4: Đối xử quốc gia**

1. Một Bên thực hiện cam kết theo Điều 8.7 (Biểu cam kết cụ thể) phải, thực hiện các lĩnh vực được ghi tại Biểu cam kết của mình trong Phụ lục II (Biểu cam kết cụ thể cho dịch vụ) và tuân theo bất kỳ điều kiện và trình độ nào nêu trong đó, phù hợp với các dịch vụ và các nhà cung cấp dịch vụ của bất kỳ bên nào, liên quan đến tất cả các biện pháp ảnh hưởng đến việc cung cấp dịch vụ, đối xử không kém thuận lợi hơn so với các biện pháp mà quốc gia đó dành cho các dịch vụ và nhà cung cấp của mình.<sup>5</sup>
2. Một Bên đưa ra cam kết theo Điều 8.8 (Biểu các biện pháp không tương thích) sẽ chấp thuận các dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ của bất kỳ Bên khác, đối với tất cả các biện pháp ảnh hưởng đến việc cung cấp dịch vụ, đối xử không kém thuận lợi hơn so với quốc gia đó dành cho các dịch vụ và các nhà cung cấp dịch vụ tương tự của mình, tuân theo các biện pháp không tương thích của nước đó như được quy định trong Điều 8.8 (Biểu các biện pháp không tương thích).<sup>6</sup>
3. Một Bên có thể đáp ứng yêu cầu theo khoản 1 hoặc 2 theo các dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ của Bên kia được dành sự đối xử y hệt hoặc sự đối xử khác biệt một khác hình thức so với đối xử mà Bên đó dành cho dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ tương tự của mình.
4. Sự đối xử y hệt hoặc sự đối xử khác biệt một cách hình thức sẽ được coi là kém thuận lợi hơn nếu việc đó làm thay đổi các điều kiện cạnh tranh theo hướng có lợi cho dịch vụ hoặc nhà cung cấp dịch vụ của Bên đó so với dịch vụ hoặc nhà cung cấp dịch vụ tương tự của Bên kia.

---

<sup>5</sup> Các cam kết cụ thể theo Điều này sẽ không được hiểu là yêu cầu bất kỳ Bên nào bồi thường cho những bất lợi cạnh tranh vốn có do yếu tố nước ngoài của dịch vụ hoặc nhà cung cấp dịch vụ liên quan.

<sup>6</sup> Không có quy định nào trong Điều khoản này được hiểu là yêu cầu bất kỳ Bên nào phải bồi thường cho bất kỳ bất lợi cạnh tranh vốn có do tính chất nước ngoài của các dịch vụ hoặc nhà cung cấp dịch vụ có liên quan.

## **Điều 8.5: Tiếp cận thị trường**

1. Đối với việc tiếp cận thị trường thông qua các phương thức cung cấp được xác định trong điểm (r) của Điều 8.1 (Định nghĩa), một Bên đưa ra cam kết theo Điều 8.7 (Biểu cam kết cụ thể) phải dành cho dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ của Bên kia sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên đó đã cam kết theo điều khoản, hạn chế và điều kiện đã thống nhất và quy định trong Biểu của Bên đó tại Phụ lục II (Biểu cam kết cụ thể dành cho Dịch vụ).<sup>7</sup>
2. Các biện pháp mà một Bên sẽ không áp dụng dù là quy mô vùng hay trên toàn lãnh thổ, trong các lĩnh vực thực hiện cam kết mở cửa thị trường và phù hợp với các cam kết cụ thể của Bên đó, như quy định tại Điều 8.7 (Biểu các cam kết cụ thể), hoặc tuân theo các biện pháp không tương thích tại Điều 8.8 (Biểu các biện pháp không tương thích là:
  - (a) áp đặt hạn chế về số lượng nhà cung cấp dịch vụ dù dưới hình thức hạn ngạch theo số lượng, độc quyền, toàn quyền cung cấp dịch vụ hoặc yêu cầu đáp ứng nhu cầu kinh tế;
  - (b) áp đặt hạn chế về tổng giá trị các giao dịch về dịch vụ hoặc tài sản dưới hình thức hạn ngạch theo số lượng, hoặc yêu cầu phải đáp ứng nhu cầu kinh tế;
  - (c) áp đặt hạn chế về tổng số các hoạt động dịch vụ hoặc tổng số lượng dịch vụ đầu ra tính theo số lượng đơn vị dưới hình thức hạn ngạch hoặc yêu cầu về nhu cầu kinh tế;<sup>8</sup>
  - (d) áp đặt hạn chế về tổng số thể nhân có thể được tuyển dụng trong một lĩnh vực dịch vụ cụ thể hoặc một nhà cung cấp dịch vụ được phép tuyển dụng cần thiết hoặc trực tiếp liên quan tới việc cung cấp một dịch vụ cụ thể dưới hình thức hạn ngạch hoặc yêu cầu về nhu cầu kinh tế;

---

<sup>7</sup> Nếu một Bên thực hiện cam kết tiếp cận thị trường liên quan đến việc cung cấp dịch vụ thông qua phương thức cung cấp được đề cập trong điểm (r) (i) của Điều 8.1 (Định nghĩa) và nếu việc di chuyển vốn xuyên biên giới là điều cần thiết với dịch vụ này thì Bên đó cam kết cho phép sự dịch chuyển vốn này. Nếu một Bên thực hiện cam kết tiếp cận thị trường liên quan đến việc cung cấp dịch vụ thông qua phương thức cung cấp được đề cập trong điểm (r) (iii) của Điều 8.1 (Định nghĩa), thì Bên đó cam kết cho phép chuyển vốn liên quan vào lãnh thổ của nó.

<sup>8</sup> Tiểu đoạn này không bao gồm các biện pháp của một Bên giới hạn đầu vào cho việc cung cấp dịch vụ.



- (e) các biện pháp mà hạn chế hoặc yêu cầu các hình thức pháp nhân cụ thể hoặc liên doanh thông qua đó người cung cấp dịch vụ có thể cung cấp dịch vụ; và
- (f) áp đặt hạn chế về sự tham gia của vốn nước ngoài về giới hạn tỷ lệ phần trăm tối đa đối với tỷ lệ sở hữu cổ phần nước ngoài hoặc tổng giá trị đầu tư nước ngoài riêng lẻ hoặc tổng thể.

### **Điều 8.6: Đối xử tối huệ quốc**

1. Một Bên thực hiện cam kết theo Điều 8.7 (Biểu cam kết cụ thể) lựa chọn theo khoản 2 Điều 8.3 (Biểu cam kết) để thực hiện cam kết về Đối xử tối huệ quốc sẽ:
  - (a) đối với các ngành và phân ngành được ghi trong Biểu tại Phụ lục II (Biểu các cam kết cụ thể cho Dịch vụ) được xác định là một “MFN”;
  - (b) đối với các lĩnh vực và phân ngành được nêu trong Phụ lục phạm vi ngành đối xử tối huệ quốc với Biểu cam kết trong Phụ lục II (Biểu cam kết cụ thể cho Dịch vụ); hoặc
  - (c) đối với các lĩnh vực và phân ngành không có trong Phụ lục danh sách miễn trừ Đối xử Tối huệ quốc với Biểu cam kết tại Phụ lục II (Biểu cam kết cụ thể cho Dịch vụ).

Và tùy thuộc vào bất kỳ điều kiện và tiêu chuẩn nào quy định trong đó, các dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ dành cho một Bên không kém thuận lợi hơn so với các dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ dành cho bất kỳ Bên nào khác hoặc bất kỳ Bên nào không phải là thành viên của Hiệp định này.

2. Một Bên thực hiện các cam kết theo Điều 8.8 (Biểu các cam kết không tương thích) sẽ, tuân theo các biện pháp không tương thích được đưa ra trong Biểu của mình tại Phụ lục III (Biểu bảo lưu và các biện pháp không tương thích đối với Dịch vụ và Đầu tư), các dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ dành cho một Bên không kém thuận lợi hơn so với các dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ dành cho bất kỳ Bên nào khác hoặc bất kỳ Bên nào không phải là thành viên của Hiệp định này.
3. Mặc dù đã có các khoản 1 và 2, mỗi Bên có quyền áp dụng hoặc duy trì bất kỳ biện pháp nào dành sự đối xử khác biệt đối với các dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ của bất kỳ Bên nào khác hoặc của bất kỳ Bên nào không phải là thành viên theo bất kỳ thoả thuận quốc tế song phương hoặc đa phương đã có hiệu lực, hoặc được ký kết trước đó đến ngày Hiệp định này có hiệu lực.

4. Mặc dù đã có các khoản 1 và 2, mỗi Bên là quốc gia thành viên của ASEAN có quyền áp dụng hoặc duy trì bất kỳ biện pháp nào dành sự đối xử khác biệt đối với dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ của bất kỳ Bên nào khác là thành viên của ASEAN được thực hiện theo một thoả thuận về tự do hoá thương mại hàng hoá, dịch vụ hoặc đầu tư như một phần của quá trình hội nhập kinh tế rộng lớn hơn giữa các Bên là thành viên của ASEAN.
5. Các quy định của Chương này sẽ không được hiểu là ngăn cản bất kỳ Bên nào dành hoặc tận dụng lợi thế đối với các quốc gia lân cận nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi giới hạn trong các khu vực biên giới tiếp giáp của các dịch vụ được sản xuất và tiêu dùng trong nước.

### **Điều 8.7: Biểu cam kết cụ thể**

1. Một Bên thực hiện các cam kết phù hợp với Điều này sẽ được nêu trong Biểu của mình tại Phụ lục II (Biểu cam kết cụ thể dành cho Dịch vụ), các cam kết cụ thể mà Bên đó cam kết theo Điều 8.4 (Đối xử quốc gia), Điều 8.5 (Tiếp cận thị trường), và Điều 8.9 (Các cam kết bổ sung). Đối với các lĩnh vực thực hiện các cam kết như vậy, mỗi Biểu cam kết trong Phụ lục II (Biểu cam kết cụ thể dành cho Dịch vụ) sẽ nêu rõ:
  - (a) các điều khoản, hạn chế và điều kiện tiếp cận thị trường;
  - (b) điều kiện và tiêu chuẩn về đối xử quốc gia;
  - (c) các cam kết liên quan đến các cam kết bổ sung; và
  - (d) nếu thích hợp, khung thời gian thực hiện các cam kết đó.
2. Các biện pháp không phù hợp với cả Điều 8.4 (Đối xử quốc gia) và Điều 8.5 (Tiếp cận thị trường) sẽ được ghi trong cột liên quan đến Điều 8.5 (Tiếp cận thị trường). Trong trường hợp này, nội dung được ghi chép cũng được coi là cung cấp một điều kiện hoặc tiêu chuẩn cho Điều 8.4 (Đối xử quốc gia).
3. Mỗi Bên thực hiện cam kết theo Điều này sẽ xác định trong Biểu của mình tại Phụ lục II (Biểu cam kết cụ thể cho dịch vụ) các ngành hoặc phân ngành để tự do hoá trong tương lai với “FL”. Trong các lĩnh vực và phân ngành này, mọi điều khoản, giới hạn, điều kiện và tiêu chuẩn áp dụng được đề cập trong điểm 1(a) và (b) sẽ được giới hạn trong các biện pháp hiện có của Bên đó.

4. Nếu một Bên sửa đổi một biện pháp nêu tại Khoản 3 theo cách làm giảm hoặc loại bỏ sự không nhất quán của biện pháp đó với Điều 8.4 (Đối xử quốc gia) hoặc Điều 8.5 (Tiếp cận thị trường), như đã có ngay trước khi sửa đổi, Bên đó sẽ không sửa đổi biện pháp đó theo cách làm tang sự không nhất quán của biện pháp đó với Điều 8.4 (Đối xử quốc gia) hoặc Điều 8.5 (Tiếp cận thị trường).
5. Mặc dù đã có đoạn 3, các nước kém phát triển là quốc gia thành viên của ASEAN không có nghĩa vụ xác định các ngành hoặc phân ngành để tự do hoá trong tương lai. Tuy nhiên, các Bên này có thể làm như vậy trên cơ sở tự nguyện.

### **Điều 8.8: Các biện pháp không tương thích**

1. Đối với một Bên thực hiện các cam kết theo Điều này, Điều 8.4 (Đối xử quốc gia), Điều 8.5 (Tiếp cận thị trường), Điều 8.6 (Đối xử tối huệ quốc) và Điều 8.11 (Hiện diện tại nước sở tại) sẽ không áp dụng đối với:
  - (a) bất kỳ biện pháp không tương thích nào được một Bên duy trì ở cấp:
    - (i) trung ương, như đã được Bên đó nêu trong Danh mục A tại Biểu cam kết của mình trong Phụ lục III (Biểu bảo lưu và các biện pháp không tương thích đối với Dịch vụ và Đầu tư);
    - (ii) khu vực, như đã được Bên đó nêu trong Danh mục A của Biểu cam kết của mình trong Phụ lục III (Biểu bảo lưu và các biện pháp không tương thích đối với Dịch vụ và Đầu tư); hoặc
    - (iii) cấp địa phương;
  - (b) việc tiếp tục hoặc gia hạn bất kỳ biện pháp không tương thích nào được dẫn chiếu trong đoạn (a); và
  - (c) sửa đổi đối với bất kỳ biện pháp không tương thích nào được dẫn chiếu trong đoạn (a) ở mức mà sửa đổi đó không làm giảm sự tương thích của biện pháp với các Điều 8.4 (Đối xử quốc gia), Điều 8.5 (Tiếp cận thị trường), Điều 8.6 (Đối xử tối huệ quốc), hoặc Điều 8.11 (Hiện diện tại nước sở tại).
2. Các Điều 8.4 (Đối xử quốc gia), Điều 8.5 (Tiếp cận thị trường), Điều 8.6 (Đối xử tối huệ quốc), và Điều 8.11 (Hiện diện tại nước sở tại) không áp dụng đối với bất kỳ biện pháp nào được một Bên thông qua hoặc duy trì liên quan đến các ngành, phân ngành, hoặc hoạt động, như được nêu trong Danh mục B tại Biểu cam kết của mình trong Phụ lục III (Biểu bảo lưu và các biện pháp không tương thích đối với Dịch vụ và Đầu tư).

## **Điều 8.9: Các cam kết bổ sung**

1. Các Bên có thể đàm phán các cam kết đối với các biện pháp ảnh hưởng đến thương mại dịch vụ, bao gồm các biện pháp liên quan đến trình độ, tiêu chuẩn, hoặc các vấn đề cấp phép, không phụ thuộc vào biểu cam kết, theo:
  - (a) Điều 8.4 (Đối xử quốc gia) hoặc Điều 8.5 (Tiếp cận thị trường) đối với những Bên thực hiện cam kết theo Điều 8.7 (Biểu cam kết cụ thể); hoặc là
  - (b) Điều 8.4 (Đối xử quốc gia), Điều 8.5 (Tiếp cận thị trường), Điều 8.6 (Đối xử Tối huệ quốc) hoặc Điều 8.11 (Hiện diện tại nước sở tại) đối với những Bên thực hiện cam kết theo Điều 8.8 (Biểu các cam kết không tương thích).
2. Một Bên đưa ra các cam kết bổ sung theo điểm 1 (a) sẽ ghi các cam kết đó vào Biểu cam kết của mình trong Phụ lục II (Biểu cam kết cụ thể cho dịch vụ).
3. Một Bên đưa ra các cam kết bổ sung theo điểm 1 (b) sẽ ghi các cam kết đó vào Danh mục C của Biểu của mình trong Phụ lục III (Biểu Bảo lưu và các cam kết không tương thích cho Dịch vụ và Đầu tư).

## **Điều 8.10: Danh mục minh bạch**

1. Một Bên đưa ra cam kết theo Điều 8.7 (Biểu cam kết cụ thể) lựa chọn theo khoản 2 Điều 8.3 (Biểu cam kết) để thực hiện cam kết theo Điều này sẽ chuẩn bị, chuyển tiếp các Bên khác và công bố rộng rãi trên internet một danh mục minh bạch không ràng buộc pháp lý về các biện pháp hiện có được duy trì ở cấp chính quyền trung ương không phù hợp với Điều 8.4 (Đối xử quốc gia) hoặc Điều 8.5 (Tiếp cận thị trường) (sau đây gọi là “Danh mục minh bạch” trong Chương này). Danh mục minh bạch này sẽ bao gồm các lĩnh vực mà Bên đó đã thực hiện các cam kết cụ thể trong Chương này.
2. Danh mục minh bạch của một Bên được lập chỉ nhằm mục đích minh bạch và sẽ chính xác tại thời điểm gửi và sẽ không ảnh hưởng đến các quyền và nghĩa vụ của Bên đó theo Chương này. Không có quy định nào trong Điều này ngăn cản một Bên sửa đổi các biện pháp của mình được đề cập trong đoạn 1. Nếu có bất kỳ sự khác biệt nào giữa Danh mục minh bạch của một Bên và Biểu của nó trong Phụ lục II (Biểu cam kết cụ thể cho dịch vụ), thì kế hoạch sau sẽ được ưu tiên áp dụng.
3. Mỗi Danh mục minh bạch sẽ bao gồm các yếu tố sau:

- (a) the sector and subsector or activity;
  - (b) loại không nhất quán (Đối xử quốc gia hoặc Tiếp cận thị trường);
  - (c) nguồn pháp lý hoặc thẩm quyền của biện pháp; và
  - (d) mô tả ngắn gọn về biện pháp.
4. Một Bên sẽ cập nhật, nếu cần, Danh mục minh bạch của mình để đảm bảo rằng nó đầy đủ và chính xác bằng cách:
- (a) bổ sung bất kỳ biện pháp mới hoặc sửa đổi không nhất quán; hoặc
  - (b) loại bỏ bất kỳ biện pháp nào đã không còn tồn tại, hoặc bất kỳ lĩnh vực, phân ngành hoặc hoạt động nào mà nó không còn duy trì một biện pháp không nhất quán.
5. Không Bên nào được sử dụng để giải quyết tranh chấp theo Chương 19 (Giải quyết tranh chấp) đối với bất kỳ tranh chấp hoặc vấn đề giải thích nào phát sinh từ Danh mục minh bạch.

#### **Điều 8.11: Hiện diện tại nước sở tại**

Một Bên thực hiện cam kết theo Điều 8.8 (Biểu các cam kết không tương thích) sẽ không yêu cầu nhà cung cấp dịch vụ của một Bên khác thành lập hoặc duy trì văn phòng đại diện, chi nhánh hoặc bất kỳ hình thức pháp nhân nào hoặc cư trú tại lãnh thổ của nó như một điều kiện để cung cấp một dịch vụ như được mô tả trong đoạn (r) (i), (ii), hoặc (iv) của Điều 8.1 (Định nghĩa), tùy thuộc vào các biện pháp không tương thích của nó như được quy định trong Điều 8.8 (Biểu các cam kết không tương thích).

#### **Điều 8.12: Chuyển tiếp**

1. Một Bên thực hiện cam kết theo Điều 8.7 (Biểu cam kết cụ thể) (sau đây được gọi là “Bên chuyển tiếp” trong Điều này) sẽ đệ trình một Biểu đề xuất về các biện pháp không tương thích (sau đây gọi là “Biểu đề xuất” trong Điều khoản này) phù hợp với Điều 8.8 (Biểu các cam kết không tương thích) với Ủy ban Dịch vụ và Đầu tư để lưu truyền cho các Bên khác, không muộn hơn ba năm, hoặc đối với Cam-pu-chia, Lào và Mi-an-ma, không muộn hơn 12 năm, kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực.
2. Các cam kết trong Biểu đề xuất của mỗi Bên chuyển tiếp sẽ cung cấp mức độ tự do hóa tương đương hoặc cao hơn và sẽ không làm giảm mức độ cam

kết so với các cam kết của Bên chuyển tiếp, được thực hiện theo khoản 2 Điều 8.3 (Biểu cam kết).

3. Các Bên sẽ xem xét Biểu đề xuất cho mục đích xác minh và làm rõ, và sẽ có cơ hội đưa ra nhận xét để đảm bảo rằng Biểu đề xuất đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2. Quá trình xác minh và làm rõ sẽ không cho phép các Bên đàm phán cụ thể các cam kết mới. Bên chuyển tiếp sẽ có cơ hội phản hồi bất kỳ ý kiến nào nhận được và sửa đổi hoặc điều chỉnh Biểu đề xuất của mình, nếu cần thiết, nhằm giải quyết bất kỳ sự mơ hồ, thiếu sót hoặc sai sót nào trong Biểu đề xuất của mình.
4. Sau khi hoàn thành quá trình xác minh và làm rõ được đề cập trong đoạn 3, Ủy ban Dịch vụ và Đầu tư có thể thông qua, với sự đồng thuận, Biểu đề xuất của Bên chuyển tiếp sẽ thay thế Biểu của Bên chuyển tiếp trong Phụ lục II (Biểu cam kết cụ thể cho Dịch vụ) tuân theo khoản 5 (sau đây được gọi là “Biểu được thông qua” trong Điều này). Sau đó, Bên chuyển tiếp sẽ đệ trình Biểu được thông qua của mình cho Cơ quan lưu chiếu và thông báo bằng văn bản về việc hoàn thành mọi quy trình trong nước hiện hành.<sup>9</sup>
5. Mặc dù đã có Điều 20.4 (Sửa đổi), sau khi một Bên chuyển tiếp đã đệ trình Biểu được thông qua của mình cho Cơ quan lưu chiếu và thông báo bằng văn bản về việc hoàn thành mọi quy trình trong nước, thì Biểu được thông qua của Bên chuyển tiếp sẽ có hiệu lực giữa Bên chuyển tiếp và mỗi Bên 60 ngày sau ngày Bên chuyển tiếp thông báo cho Cơ quan lưu chiếu. Tuy nhiên, nếu một Bên thông báo bằng văn bản cho Cơ quan lưu chiếu trong vòng 60 ngày kể từ ngày Bên chuyển tiếp thông báo cho Cơ quan lưu chiếu rằng Biểu được thông qua sẽ không có hiệu lực đối với Bên đó trong vòng 60 ngày kể từ ngày Bên chuyển tiếp thông báo cho Cơ quan lưu chiếu, thì Biểu được thông qua sẽ có hiệu lực giữa Bên chuyển tiếp và Bên đó vào ngày mà Bên đó thông báo bằng văn bản cho Cơ quan lưu chiếu về việc hoàn thành các quy trình trong nước hiện hành của mình hoặc vào ngày khác mà Bên chuyển tiếp và Bên đó có thể quyết định.
6. Để rõ ràng hơn, Biểu của Bên chuyển tiếp trong Phụ lục II (Biểu cam kết cụ thể cho dịch vụ) theo Điều 8.7 (Biểu cam kết cụ thể) sẽ vẫn có hiệu lực giữa Bên chuyển tiếp và mỗi Bên cho đến khi Biểu được thông qua của Bên chuyển tiếp có hiệu lực cho Bên kia.

---

<sup>9</sup> Để rõ ràng hơn, đoạn này không loại trừ khả năng một Bên chuyển tiếp, khi thực hiện các quy trình trong nước hiện hành của mình, yêu cầu tham vấn giữa các Bên liên quan về các sửa đổi tiềm năng đối với Lộ trình đã thông qua của mình và yêu cầu Ủy ban về Dịch vụ và Đầu tư thông qua, bằng sự đồng thuận một Lộ trình sửa đổi được thông qua để Bên chuyển tiếp trình lên Cơ quan lưu chiếu phù hợp với đoạn này.

7. Quá trình nêu tại các đoạn từ 1 đến 4 sẽ được hoàn thành không muộn hơn sáu năm, hoặc đối với Cam-pu-chia, Lào và Mi-an-ma là không muộn hơn 15 năm, kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực.

### **Điều 8.13: Sửa đổi Biểu cam kết**

1. Một Bên thực hiện các cam kết theo Điều 8.7 (Biểu cam kết cụ thể) (sau đây được gọi là “Bên sửa đổi” trong Điều này) có thể sửa đổi hoặc rút lại bất kỳ cam kết nào trong Biểu cam kết của mình tại Phụ lục II (Biểu cam kết cụ thể về dịch vụ), ngoài các cam kết trong các lĩnh vực hoặc phân ngành được đánh dấu “FL”, vào bất kỳ thời điểm nào sau ba năm kể từ ngày cam kết đó có hiệu lực, miễn là tuân thủ Điều này và:
  - (a) thông báo cho Ủy ban Dịch vụ và Đầu tư về ý định sửa đổi hoặc rút lại cam kết không muộn hơn ba tháng trước ngày dự định thực hiện sửa đổi hoặc rút lại; và
  - (b) tham gia đàm phán với bất kỳ Bên yêu cầu nào, nhằm đạt được thỏa thuận về các biện pháp đền bù cần thiết.
2. Để đạt được biện pháp đền bù thông qua đàm phán nêu tại điểm 1 (b), các Bên liên quan sẽ cố gắng duy trì mức chung của các cam kết cùng có lợi, không kém thuận lợi hơn so với mức quy định trong Biểu cam kết của Bên sửa đổi trong Phụ lục II (Biểu cam kết cụ thể về dịch vụ) trước khi đàm phán.
3. Mọi biện pháp đền bù theo Điều này sẽ được thực hiện trên cơ sở không phân biệt đối xử cho tất cả các Bên.
4. Nếu các Bên liên quan không thể đạt được thỏa thuận về việc điều chỉnh bồi thường trong vòng ba tháng sau ngày cuối cùng mà yêu cầu theo điểm 1 (b) được đưa ra, hoặc sau một khoảng thời gian khác được thống nhất bởi Bên sửa đổi và Bên yêu cầu, thì Bên yêu cầu có thể đưa vấn đề ra trọng tài. Bất kỳ Bên nào muốn thực thi quyền mà Bên đó có thể phải bồi thường thì phải thông qua trọng tài. Bên sửa đổi không được sửa đổi hoặc rút lại cam kết của mình cho đến khi thực hiện các biện pháp đền bù phù hợp với kết luận của trọng tài.
5. Trọng tài được thực hiện như trong đoạn 4 sẽ được tiến hành theo thủ tục trong các đoạn từ 7 đến 19 của *Thủ tục thực hiện Điều XXI của Hiệp định chung về Thương mại Dịch vụ* được thông qua ngày 19 tháng 7 năm 1999 (S / L / 80), có thể được sửa đổi, (sau đây được gọi là “Thủ tục Điều XXI GATS” trong Chương này), sẽ áp dụng *những sửa đổi cần thiết*, trừ khi có quyết định khác của Ủy ban về Dịch vụ và Đầu tư theo đoạn 10 hoặc trừ khi các bên liên quan trong trọng tài đồng ý khác.

6. Nếu Bên sửa đổi thực hiện đề xuất sửa đổi hoặc rút lại của mình và không tuân thủ các kết luận của trọng tài, bất kỳ Bên nào đã tham gia thủ tục trọng tài có thể sửa đổi hoặc rút lại các lợi ích cơ bản tương đương phù hợp với các kết luận đó. Việc sửa đổi hoặc rút lại này chỉ có thể được thực hiện đối với Bên sửa đổi.
7. Nếu không Bên nào yêu cầu:
  - (a) các cuộc đàm phán theo điểm 1 (b) trong vòng 45 ngày kể từ ngày thông báo được đưa ra theo điểm 1 (a); hoặc là
  - (b) thủ tục trọng tài theo điều 4,

Bên sửa đổi sẽ được tự do thực hiện đề xuất sửa đổi hoặc rút lại của mình, bất kể Điều 20.4 (Sửa đổi), phù hợp với các thủ tục quy định tại các đoạn từ 20 đến 22 của Thủ tục Điều XXI GATS, sẽ áp dụng *những sửa đổi phù hợp*, trừ khi có quyết định khác Ủy ban về Dịch vụ và Đầu tư theo đoạn 10.
8. Để tránh nghi ngờ, vì mục đích của đoạn 5 và 7, các nội dung liên quan trong Thủ tục Điều XXI GATS là:
  - (a) “Ban Thư ký” và “Hội đồng Thương mại Dịch vụ” sẽ được xem như tham khảo cho Ủy ban Dịch vụ và Đầu tư
  - (b) “Điều XXI” sẽ được xem như tham khảo cho Điều 8.13 (Sửa đổi các Biểu cam kết); và
  - (c) “Thành viên của WTO” sẽ được xem như tham khảo cho các Bên.
9. Trong trường hợp có bất kỳ mâu thuẫn nào giữa Hiệp định này và các Thủ tục Điều XXI GATS, Hiệp định này sẽ được ưu tiên áp dụng trong trường hợp có sự mâu thuẫn.
10. Ủy ban về Dịch vụ và Đầu tư có thể thiết lập hoặc chỉnh sửa các thủ tục sửa đổi hoặc rút lại cam kết của một Bên trong Biểu cam kết tại Phụ lục II (Biểu cam kết cụ thể về dịch vụ) hoặc quy trình trọng tài, theo Điều này. Bất kỳ Bên nào tìm cách sửa đổi hoặc rút lại các cam kết của mình theo Điều này sẽ thực hiện theo bất kỳ thủ tục nào như vậy.

#### **Điều 8.14: Minh bạch hóa**

1. Các Bên thừa nhận rằng các biện pháp minh bạch hóa trong quản lý thương mại dịch vụ là quan trọng trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà



cung cấp dịch vụ tiếp cận và hoạt động trên thị trường của nhau. Mỗi Bên sẽ thúc đẩy sự minh bạch hóa về quy định trong thương mại dịch vụ.

2. Mỗi Bên phải công bố kịp thời, trừ trường hợp khẩn cấp, và chậm nhất vào thời điểm bắt đầu có hiệu lực của:
  - (a) tất cả các biện pháp liên quan áp dụng chung, ảnh hưởng đến thương mại dịch vụ; và
  - (b) tất cả các thỏa thuận quốc tế liên quan hoặc ảnh hưởng đến thương mại dịch vụ mà một Bên là thành viên của thỏa thuận này.
3. Trong khả năng, mỗi Bên sẽ công bố công khai các biện pháp và thỏa thuận quốc tế nêu tại đoạn 2 trên in-tơ-nét, trong phạm vi được cung cấp theo khuôn khổ pháp lý của mình, và bằng tiếng Anh.
4. Trong trường hợp không thể công bố công khai như được đề cập trong đoạn 2 và 3, thông tin đó<sup>10</sup> sẽ được công bố theo cách khác.
5. Mỗi Bên sẽ chỉ định một đầu mối liên lạc để tạo điều kiện cho việc liên lạc giữa các Bên về bất kỳ vấn đề nào được đề cập trong Chương này. Theo yêu cầu của một Bên khác, đầu mối liên hệ sẽ:
  - (a) xác định cơ quan hoặc cán bộ chịu trách nhiệm về vấn đề liên quan; và
  - (b) hỗ trợ khi cần thiết trong việc tạo điều kiện liên lạc với Bên yêu cầu về vấn đề đó.
6. Mỗi Bên phải phản hồi kịp thời mọi yêu cầu của bất kỳ Bên nào khác về thông tin cụ thể liên quan đến:
  - (a) bất kỳ biện pháp nào được đề cập trong đoạn 2 (a) hoặc các thỏa thuận quốc tế được đề cập trong đoạn 2 (b); và
  - (b) bất kỳ đổi mới hoặc thay đổi nào đối với luật, quy định hoặc hướng dẫn hành chính hiện hành ảnh hưởng đáng kể đến thương mại dịch vụ.

### **Điều 8.15: Quy định trong nước**

---

<sup>10</sup> Để rõ ràng hơn, thông tin này có thể được công bố bằng ngôn ngữ đã chọn của mỗi Bên.

1. Mỗi Bên sẽ đảm bảo tất cả các biện pháp được áp dụng chung có ảnh hưởng đến thương mại dịch vụ được thực thi một cách hợp lý, khách quan và công bằng.
1. Mỗi Bên phải duy trì hoặc thiết lập toà án ngay khi có thể thực hiện thủ tục tư pháp, trọng tài hoặc hành chính, theo yêu cầu của nhà cung cấp dịch vụ bị ảnh hưởng, để cung cấp một đánh giá kịp thời và biện pháp phù hợp, nếu có thể, về quyết định hành chính ảnh hưởng đến thương mại dịch vụ. Khi những thủ tục này không độc lập với cơ quan đã ra quyết định hành chính liên quan, mỗi Bên phải đảm bảo rằng các thủ tục thực tế sẽ đưa ra một đánh giá khách quan và công bằng.
3. Không có nội dung nào trong đoạn 2 được hiểu là yêu cầu một Bên thiết lập toà án hoặc thủ tục không phù hợp với thể chế hoặc bản chất của hệ thống pháp luật của mình.
4. Nếu kết quả của các cuộc đàm phán liên quan đến đoạn 4 Điều VI của GATS có hiệu lực, các Bên sẽ xem xét kết quả của các cuộc đàm phán đó và sửa đổi Điều này cho phù hợp, sau khi tham khảo ý kiến giữa các Bên để đưa kết quả của các cuộc đàm phán đó có hiệu lực theo Chương này.
5. Nhằm đảm bảo các biện pháp liên quan đến yêu cầu và thủ tục chuyên môn, tiêu chuẩn kỹ thuật, và yêu cầu cấp phép không tạo thành những rào cản không cần thiết đối với thương mại dịch vụ, đồng thời công nhận quyền quản lý, đưa ra các quy định mới đối với cung cấp dịch vụ nhằm đáp ứng các mục tiêu chính sách, mỗi Bên sẽ nỗ lực đảm bảo các biện pháp mình áp dụng hoặc duy trì là:
  - (a) dựa trên các tiêu chí minh bạch và khách quan, như năng lực và khả năng cung cấp dịch vụ;
  - (b) không nặng nề hơn mức cần thiết để đảm bảo chất lượng của dịch vụ; và
  - (c) đối với thủ tục cấp phép, không tự mình tạo thành các rào cản đối với cung cấp dịch vụ.
6. Khi xem xét liệu một Bên có tuân thủ các nghĩa vụ của mình theo tiểu đoạn 5(a) hay không, các tiêu chuẩn quốc tế của các tổ chức quốc tế<sup>11</sup> liên quan được Bên đó áp dụng sẽ được xem xét đến.

---

<sup>11</sup> “Các tổ chức quốc tế liên quan” là các tổ chức quốc tế mà các cơ quan liên quan của các Bên có thể đăng ký tư cách thành viên.

7. Nếu một Bên đặt ra yêu cầu cấp phép đối với việc cung cấp dịch vụ, Bên đó sẽ đảm bảo các cơ quan có thẩm quyền của mình:
- (a) đảm bảo rằng bất kỳ loại phí cấp phép nào được tính để hoàn thành các thủ tục đăng ký liên quan là hợp lý, minh bạch và bản thân nó không hạn chế việc cung cấp dịch vụ. Theo mục tiêu của đoạn này, phí cấp phép không bao gồm các loại phí đối với việc sử dụng các nguồn lực tự nhiên, các khoản chi trả cho đấu giá, đấu thầu hoặc các phương thức tô nhượng không có tính phân biệt đối xử khác, hoặc các khoản đóng góp bắt buộc đối với việc cung cấp dịch vụ phổ cập;
  - (b) trong một khoảng thời gian hợp lý sau khi việc nộp đơn xin cấp phép được coi là hoàn thiện theo luật và các quy định trong nước, thông báo cho người nộp đơn quyết định liên quan đến đơn được nộp;
  - (c) trong phạm vi có thể, thiết lập khung thời gian chỉ định cho việc thụ lý đơn xin cấp phép;
  - (d) nếu người nộp đơn yêu cầu cung cấp ngay các thông tin liên quan đến tình trạng thụ lý đơn;
  - (e) trong trường hợp đơn đăng ký của người nộp không đầy đủ và đáp ứng yêu cầu, xác định, nếu có thể, tất cả các thông tin bổ sung cần thiết để hoàn thành đơn đăng ký, và cho cơ hội để khắc phục những thiếu sót trong một khung thời gian hợp lý;
  - (f) nếu đơn đăng ký bị kết thúc hoặc từ chối, trong phạm vi có thể và không chậm trễ, thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn về lý do của việc đó. Người nộp đơn sẽ có khả năng nộp lại đơn đăng ký mới, theo quyết định của họ;
  - (g) trong phạm vi cho phép theo luật và quy định, không yêu cầu sự hiện diện thực tế trên lãnh thổ của một Bên để nộp đơn xin giấy phép hoặc bằng cấp;
  - (h) cố gắng chấp nhận các đơn đăng ký ở định dạng điện tử với các điều kiện xác thực tương đương như hồ sơ gốc, phù hợp với luật và quy định của nước đó; và
  - (i) trong trường hợp có thể, chấp nhận bản sao các giấy tờ đã được xác nhận theo luật và quy định trong nước thay cho các giấy tờ gốc.
8. Mỗi Bên phải cung cấp các thủ tục thích hợp để xác minh năng lực của các chuyên gia từ Bên khác. Nếu các yêu cầu về cấp phép hoặc chuyên môn

bao gồm việc hoàn thành một kỳ thi thì mỗi Bên, trong phạm vi có thể, phải đảm bảo rằng:

- (a) kỳ thi đó được lên lịch với khoảng thời gian hợp lý giữa các kỳ thi; và
  - (b) dành một khoảng thời gian hợp lý cho phép người quan tâm nộp đơn.
9. Mỗi Bên, theo luật và quy định của mình, sẽ cho phép các nhà cung cấp dịch vụ của Bên khác sử dụng, không hạn chế quá mức, các tên doanh nghiệp mà họ đã kinh doanh dưới các tên này trên lãnh thổ của Bên đó.
10. Các đoạn từ 1 đến 9 sẽ không áp dụng cho một lĩnh vực hoặc biện pháp trong phạm vi mà lĩnh vực hoặc biện pháp đó không chịu các nghĩa vụ nêu tại Điều 8.4 (Đối xử quốc gia) hoặc Điều 8.5 (Tiếp cận thị trường) vì các cam kết của một Bên đã được nêu tại Điều 8.7 (Biểu cam kết cụ thể) hoặc Điều 8.8 (Các biện pháp không phù hợp).

### **Điều 8.16: Công nhận**

1. Vì mục tiêu thực thi, toàn bộ hoặc một phần, các tiêu chuẩn hoặc tiêu chí đối với việc cho phép, cấp phép, hoặc chứng nhận cho các nhà cung cấp dịch vụ, và tùy thuộc vào các yêu cầu của đoạn 4, một Bên có thể công nhận trình độ giáo dục hoặc kinh nghiệm có được, các yêu cầu được đáp ứng, hoặc giấy phép hay các chứng nhận được cấp ở một quốc gia cụ thể. Việc công nhận như vậy, có thể đạt được thông qua việc hài hòa hóa hay cách khác, có thể là tự động hoặc căn cứ trên một hiệp định hoặc thỏa thuận với nước có liên quan.
2. Một Bên tham gia vào một hiệp định hay thỏa thuận như dẫn chiếu trong đoạn 1, dù đang có hiệu lực hay tương lai, sẽ dành cơ hội thích hợp cho các Bên khác, nếu được yêu cầu, để đàm phán gia nhập hiệp định hay thỏa thuận đó hoặc để đàm phán các hiệp định hay thỏa thuận tương tự như vậy. Khi một Bên cho phép công nhận một cách tự động, Bên đó sẽ tạo cơ hội thích hợp cho Bên khác để chứng minh trình độ giáo dục, kinh nghiệm, giấy phép, hoặc chứng nhận đạt được hoặc yêu cầu đáp ứng trên lãnh thổ của Bên đó nên được công nhận.
3. Không có quy định nào trong Điều 8.6 (Đối xử tối huệ quốc) được hiểu là yêu cầu bất kỳ Bên nào phải công nhận trình độ học vấn hoặc kinh nghiệm đạt được, các yêu cầu đáp ứng hoặc giấy phép hay chứng nhận được cấp ở Bên khác.

4. Một Bên sẽ không được công nhận theo cách có thể gây phân biệt đối xử giữa các Bên khác trong việc áp dụng các tiêu chuẩn hoặc tiêu chí cho việc cho phép, cấp phép, chứng nhận đối với nhà cung cấp dịch vụ, hoặc hạn chế trách nhiệm đối với thương mại dịch vụ.
5. Khi thích hợp, việc công nhận phải dựa trên các tiêu chí được thỏa thuận đa phương. Trong các trường hợp thích hợp, các Bên sẽ hợp tác với các tổ chức liên chính phủ và phi chính phủ liên quan để thiết lập và thông qua các tiêu chuẩn và tiêu chí quốc tế chung về công nhận và các tiêu chuẩn quốc tế hành nghề chung với các ngành nghề dịch vụ liên quan.
6. Như được quy định trong Phụ lục 8C (Dịch vụ chuyên nghiệp), mỗi Bên sẽ nỗ lực tạo thuận lợi cho thương mại dịch vụ chuyên nghiệp, bao gồm cả việc khuyến khích các cơ quan liên quan trên lãnh thổ của mình tham gia đàm phán để đạt được các thỏa thuận hoặc thỏa thuận về công nhận.

#### **Điều 8.17: Độc quyền và nhà cung cấp dịch vụ độc quyền**

1. Mỗi Bên phải đảm bảo rằng bất kỳ nhà cung cấp dịch vụ độc quyền nào trên lãnh thổ của mình, trong việc cung cấp dịch vụ độc quyền trên thị trường liên quan, không hành động trái với nghĩa vụ của Bên đó theo Điều 8.4 (Đối xử quốc gia) và Điều 8.5 (Tiếp cận thị trường).
2. Khi nhà cung cấp dịch vụ độc quyền của một Bên cạnh tranh, trực tiếp hoặc thông qua một công ty liên kết, trong việc cung cấp dịch vụ nằm ngoài phạm vi quyền độc quyền của mình và tuân theo các cam kết, Bên đó phải đảm bảo rằng nhà cung cấp đó không lạm dụng vị trí độc quyền của mình để hoạt động trên lãnh thổ của mình theo cách không phù hợp với các cam kết đó.
3. Nếu một Bên có lý do để tin rằng nhà cung cấp dịch vụ độc quyền của bất kỳ Bên nào khác đang hành động theo cách không phù hợp với đoạn 1 hoặc 2, Bên đó có thể yêu cầu Bên khác thiết lập, duy trì hoặc cho phép nhà cung cấp đó cung cấp thông tin cụ thể về các hoạt động liên quan
4. Điều khoản này cũng sẽ áp dụng cho các trường hợp nhà cung cấp dịch vụ độc quyền, trong đó một Bên, chính thức hoặc có hiệu lực:
  - (a) cấp phép hoặc thành lập một số lượng nhỏ các nhà cung cấp dịch vụ; và
  - (b) cơ bản ngăn cản sự cạnh tranh giữa các nhà cung cấp đó trong lãnh thổ của mình.

### **Điều 8.18: Hoạt động kinh doanh**

1. Các Bên thừa nhận rằng các phương thức kinh doanh nhất định của các nhà cung cấp dịch vụ, ngoại trừ các phương thức kinh doanh theo Điều 8.17 (Độc quyền và nhà cung cấp dịch vụ độc quyền), có thể hạn chế cạnh tranh và do đó hạn chế thương mại dịch vụ.
2. Each Party shall, on request of any other Party, enter into Mỗi Bên, theo yêu cầu của bất kỳ Bên nào khác, sẽ tham gia tham vấn nhằm mục đích loại bỏ các hoạt động nêu tại đoạn 1. Bên được yêu cầu sẽ xem xét đầy đủ yêu cầu đó và sẽ hợp tác thông qua việc cung cấp các thông tin bí mật liên quan đến vấn đề được đề cập. Bên được yêu cầu cũng có thể cung cấp thông tin khác có sẵn cho Bên yêu cầu, tùy theo luật và quy định của Bên được yêu cầu và để đạt được thỏa thuận thỏa đáng liên quan đến việc bảo vệ bí mật của Bên được yêu cầu.

### **Điều 8.19: Thanh toán và chuyển tiền**

1. Ngoại trừ các trường hợp được nêu trong Điều 17.15 (Các biện pháp bảo vệ cán cân thanh toán), một Bên sẽ không áp dụng các hạn chế đối với chuyển khoản hoặc thanh toán quốc tế cho các giao dịch hiện tại liên quan đến các cam kết của mình.
2. Không nội dung nào trong Chương này sẽ ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của một Bên với tư cách là thành viên của IMF theo các Điều khoản Thỏa thuận của IMF, có thể được sửa đổi, bao gồm cả việc sử dụng các hành động trao đổi phù hợp với các Điều khoản Thỏa thuận của IMF, nếu có thể được sửa đổi, với điều kiện là Bên đó không được áp đặt các hạn chế đối với bất kỳ giao dịch vốn nào trái với cam kết của mình theo Chương này liên quan đến các giao dịch đó, ngoại trừ theo Điều 17.15 (Các biện pháp bảo vệ cán cân thanh toán) hoặc theo yêu cầu của IMF.

### **Điều 8.20: Từ chối lợi ích**

1. Một Bên có thể từ chối các lợi ích của Chương này:
  - (a) cho cung cấp bất kỳ dịch vụ nào, nếu Bên đó xác định rằng dịch vụ được cung cấp từ hoặc trong lãnh thổ của một Bên không phải là thành viên của Hiệp định này;
  - (b) cho nhà cung cấp dịch vụ là một pháp nhân, nếu nhà cung cấp đó xác định rằng đó không phải là nhà cung cấp dịch vụ của Bên khác;

- (c) trong trường hợp cung cấp dịch vụ vận tải biển, nếu nó xác nhận rằng dịch vụ được cung cấp:
  - (i) bằng tàu được đăng ký theo luật và quy định của một Bên không phải là thành viên của Hiệp định này; và
  - (ii) bởi một người không phải là thành viên của Hiệp định này điều hành hoặc sử dụng toàn bộ hoặc một phần con tàu.
- 2. Một Bên có thể từ chối lợi ích của Chương này đối với nhà cung cấp dịch vụ của Bên khác, nếu nhà cung cấp dịch vụ là pháp nhân do những người không thuộc Bên đó sở hữu hoặc kiểm soát và Bên từ chối áp dụng hoặc duy trì các biện pháp liên quan đến Bên hoặc một người của Bên không phải là thành viên của Hiệp định này cấm giao dịch với pháp nhân hoặc điều đó sẽ bị vi phạm hoặc bị phá vỡ nếu các lợi ích của Chương này được dành cho pháp nhân.

**Article 8.21: Các biện pháp tự vệ**

- 1. Các Bên sẽ rà soát việc áp dụng các biện pháp tự mà gây trì hoãn bất kỳ sự phát triển hơn nữa tại các diễn đàn đa phương theo Điều X của GATS.
- 2. Trong trường hợp một Bên gặp khó khăn trong việc thực hiện các cam kết của mình theo Chương này, Bên đó có thể yêu cầu tham vấn với các Bên khác để giải quyết những khó khăn đó.

**Điều 8.22: Trợ cấp**

- 1. Mặc dù đã có khoản 3(b) của Điều 8.2 (Phạm vi), các Bên sẽ xét lại vấn đề của các nguyên tắc về trợ cấp liên quan đến thương mại dịch vụ theo bất kỳ nguyên tắc nào được thống nhất theo Điều XV của GATS nhằm đưa ra các nguyên tắc tại chương này.
- 2. Một Bên cho rằng mình bị ảnh hưởng bất lợi bởi trợ cấp của Bên khác liên quan đến thương mại dịch vụ có thể yêu cầu tham vấn với Bên kia về các vấn đề đó. Bên được yêu cầu sẽ xem xét một cách tích cực đối với yêu cầu đó.
- 3. Không Bên nào được sử dụng để giải quyết tranh chấp theo Chương 19 (Giải quyết tranh chấp) đối với bất kỳ yêu cầu nào được đưa ra hoặc tham vấn được thực hiện theo Điều này, hoặc bất kỳ tranh chấp nào khác phát sinh tại Điều này.

**Điều 8.23: Tăng cường sự tham gia của các Bên kém phát triển nhất là quốc gia thành viên của ASEAN**

Để tăng cường sự tham gia của các Bên kém phát triển nhất là quốc gia thành viên của ASEAN, Chương này tạo điều kiện nhằm:

- (a) tăng cường năng lực dịch vụ trong nước, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của các quốc gia đó, cùng với việc thông qua tiếp cận công nghệ trên cơ sở thương mại;
- (b) cải thiện khả năng tiếp cận các kênh phân phối và mạng lưới thông tin của các quốc gia đó; và
- (c) tự do hóa tiếp cận thị trường trong các lĩnh vực và phương thức cung ứng xuất khẩu mà các quốc gia đó quan tâm, và cung cấp khả năng tiếp cận thị trường trong các lĩnh vực có lợi cho họ.

#### **Article 8.24: Rà soát các cam kết**

Các Bên sẽ rà soát các cam kết về thương mại dịch vụ khi cần thiết, nhưng không muộn hơn việc rà soát chung Hiệp định này theo Điều 20.8 (Rà soát chung), nhằm cải thiện hơn nữa các cam kết theo Chương này để từng bước tự do hóa thương mại dịch vụ giữa các Bên.

#### **Article 8.25: Hợp tác**

Các Bên sẽ tăng cường các nỗ lực hợp tác trong các lĩnh vực, bao gồm cả các lĩnh vực không được đề cập trong các thỏa thuận hợp tác hiện hành. Các Bên sẽ thảo luận và thống nhất về các lĩnh vực hợp tác và xây dựng các chương trình hợp tác trong các lĩnh vực này nhằm nâng cao năng lực dịch vụ trong nước, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của các ngành.